PHỤ LỤC

MỨC CHI ĐẶC THÙ BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC KIỂM TRA, XỬ LÝ, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HOÁ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19 /2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: 1000 đồng.

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp xã	
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật				
a	Chủ trì cuộc họp	Người/ buổi	150	90	
b	Các thành viên tham dự	Người/ buổi	100	60	
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia	01 văn bản	1.500	900	Văn bản được xin ý kiến
3	Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản				
a	Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực; báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản; báo cáo đột xuất về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản (Bao gồm cả báo cáo tổng hợp và báo cáo của từng sở, ban, ngành, tổ chức, cơ quan nhà nước khác ở địa phương, đơn vị), cụ thể:	01 báo cáo			
	- Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh	01 báo cáo	7.000		
	- Báo cáo của các sở, ban, ngành cấp tỉnh;	01 báo cáo	3.000		

	- Báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập	01 báo cáo	3000		
	- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã;	01 báo cáo		1.500	
b	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp	01 báo cáo	400	240	
4	Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp)		900	540	Tính 01 lần chỉnh lý
5	Chi kiểm tra văn bản quy định tại mục 3 Chương II Nghị định số 79/2025/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP	01 văn bản			
	- Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật		250	150	
	- Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật		500	300	
6	Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản theo quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội	01 văn bản	200	120	
7	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản	01 văn bản	300		
8	Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản	01 văn bản	250	150	
9	Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP	01 văn bản	150	120	
10	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản				
a	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để cập nhật, lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản;	01 văn bản	150	90	

b	Chi tổ chức thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí ... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật				
	- Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn	01 tài liệu (01 văn bản)	70	50	Khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo